

Số: 24 /BC-PCTT

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi

Thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch 65/KH-UBND ngày 09/10/2009 về việc thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020. Kết quả thực hiện Đề án từ năm 2009 - 2014 như sau:

I. Kết quả thực hiện Đề án

1. Năm 2009: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xây dựng và ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2009 về việc thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Đồng Tháp giai đoạn từ nay đến năm 2020.

2. Năm 2010: Đã thực hiện được các hoạt động như sau:

- Tổ chức 01 cuộc diễn tập cấp huyện tại huyện Thanh Bình với 827 người trực tiếp tham gia và khách tham quan, ngoài ra còn có khoảng 500 người dân theo dõi.
- Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 17 cuộc diễn tập cấp xã ứng phó với lũ, bão, mỗi cuộc diễn tập cấp xã có từ 150-200 người là cán bộ xã, đoàn thể và người dân trực tiếp tham gia, ngoài ra còn có hàng trăm người dân theo dõi.
- Tổ chức tập huấn về xây dựng Kế hoạch ấp/xã an toàn hơn cho 312 cán bộ cấp huyện, cấp xã.
- Phối hợp với Trung tâm Phòng chống thiên tai Châu Á (ADPC) và Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và TKCN các huyện Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình tổ chức tập huấn cho 79 cán bộ cấp xã, huyện về lập kế hoạch phòng chống lụt bão.
- Đào tạo 26 tập huấn viên cấp huyện về giới trong lĩnh vực phòng ngừa, quản lý thiên tai và biến đổi khí hậu, 20 tập huấn viên cấp huyện về nâng cao nhận thức cộng đồng trong lĩnh vực phòng ngừa và GNTT; tổ chức các đêm hội truyền thông về phòng chống thiên tai tại 8 xã thuộc huyện Thanh Bình và Cao Lãnh do Tổ chức Oxfam Anh tài trợ.
- Dự án Quản lý rủi ro thiên tai (WB4) tổ chức 4 cuộc hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; tổ chức các hoạt động ngoại

khóa cho học sinh và mít tinh kỷ niệm ngày phòng truyền thống phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai tại xã An Hiệp - Châu Thành và xã Bình Thạnh - thị xã Hồng Ngự, với 603 người tham dự.

3. Năm 2011: Đã thực hiện được các hoạt động cụ thể sau:

- Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 6 cuộc diễn tập cấp xã và 2 cuộc diễn tập cấp ấp tại huyện Châu Thành.

- Tổ chức 5 khóa tập huấn đào tạo cho 118 lượt người là tập huấn viên nông cốt cấp huyện, tinh về nâng cao nhận thức cộng đồng, giới trong lĩnh vực phòng ngừa và quản lý thiên tai, biến đổi khí hậu, bồi lợi, qui trình lập và nội dung của kế hoạch ấp/xã an toàn, khung theo dõi - đánh giá kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai.

- Tổ chức 01 khóa tập huấn về giới trong lĩnh vực phòng ngừa và quản lý thiên tai cho tập huấn viên các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cho 22 người là đại diện Ban chỉ huy Phòng, chống lụt, bão & TKCN và Hội liên hiệp Phụ nữ các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tham dự.

- Tổ chức 4 cuộc hội thảo với 105 người tham dự về chia sẻ các bài học kinh nghiệm về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, kế hoạch ấp/xã an toàn.

- Trang bị 14 máy phát điện phục vụ công tác phòng, chống lụt, bão cho 12 xã và 02 Văn phòng thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN huyện Thanh Bình và Cao Lãnh.

- Thành lập nhóm tập huấn viên nông cốt cấp xã, huyện: Toàn tỉnh đã thành lập được 709 tập huấn viên cấp xã và 68 tập huấn viên cấp huyện.

- Xây dựng Tài liệu hướng dẫn Qui trình lập Kế hoạch ấp, xã an toàn và mẫu kế ấp/xã an toàn.

- 144 xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch ấp/xã an toàn; xây dựng phương án ứng phó với bão và áp thấp nhiệt đới năm 2011.

- Tổ chức tập huấn về xây dựng Kế hoạch ấp/xã an toàn hơn cho 312 cán bộ cấp huyện, cấp xã.

4. Năm 2012: Đã thực hiện được các hoạt động cụ thể sau:

- Cử 13 cán bộ các ngành Tỉnh, huyện tham dự 2 khóa đào tạo giảng viên cấp tỉnh về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng do Trung tâm Phòng tránh thiên tai tổ chức.

- Tổ chức 6 lớp tập huấn cho 301 cán bộ cấp huyện, xã về tình hình thiên tai 2012, công tác lập kế hoạch ấp xã an toàn, phương châm “bốn tại chỗ”, triển khai các văn bản về phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai và quản lý các công trình đê điều thủy lợi.

- Tổ chức 01 cuộc diễn tập phòng chống lụt bão cấp huyện vào ngày 19/10/2012 tại thị xã Hồng Ngự; 10 cuộc diễn tập phòng chống lụt bão cấp xã và 03 cuộc diễn tập phòng chống lụt bão cấp ấp (huyện Châu Thành).

5. Năm 2013: Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-CLB ngày 08/5/2013 về thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2013-2015, các hoạt động đã thực hiện được như sau:

- Đã cử 06 cán bộ tham dự khóa đào tạo giảng viên cấp Tỉnh do Trung tâm Phòng tránh thiên tai tổ chức.

- Tổ chức 6 lớp tập huấn cho 312 cán bộ cấp huyện, xã về công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn; quản lý công trình thủy lợi an toàn trước thiên tai.

- Tổ chức 2 lớp đào tạo giảng viên cấp huyện, mỗi lớp 30 người

- Tổ chức 2 lớp đào tạo giảng viên cấp xã, mỗi lớp 30 người tại huyện Lập Vò và huyện Tam Nông

- Xây dựng bộ tài liệu truyền thông hướng dẫn theo hình thức hỏi đáp và tổ chức truyền thông trên phương tiện thông tin ở 144 xã, phường, thị trấn của tỉnh Đồng Tháp với các nội dung sau: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, Nâng cao nhận thức cộng đồng, Phòng, chống đông, lốc, tố và vòi rồng, Phòng, chống sét đánh.

- Tổ chức 13 cuộc diễn tập phòng, chống lụt bão - cứu hộ cứu nạn cấp xã ở 12 huyện, thị xã và thành phố, mỗi cuộc diễn tập có từ 150 - 200 người trực tiếp tham gia và hàng trăm người dân theo dõi.

6. Năm 2014: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 30/9/2013 về thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2014, các hoạt động đã thực hiện được như sau:

- Đã cử 04 cán bộ tham dự khóa đào tạo giảng viên cấp Tỉnh do Trung tâm Phòng tránh thiên tai tổ chức.

- Thực hiện Đề án Phòng chống sét đánh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020: Năm 2014 đã xây dựng 02 trạm cảnh báo sớm sét đánh tại xã Phú Cường - huyện Tam Nông và xã Trường Xuân - huyện Tháp Mười.

- Tổ chức đào tạo 10 lớp giảng viên cấp xã với 335 học viên tham gia và đã được cấp giấy chứng nhận.

- Tổ chức 06 lớp tập huấn về công tác phòng chống thiên tai và TKCN; Quản lý công trình thủy trước thiên tai cho 293 cán bộ cơ sở

- Mua 01 bộ máy vi tính để trang bị phục vụ cho công tác đào tạo, tập huấn.

- Tổ chức 01 cuộc diễn tập phòng, chống thiên tai và TKCN cấp huyện tại huyện Tháp Mười và 11 cuộc diễn tập phòng, chống thiên tai và TKCN cấp xã.

II. Đánh giá kết quả Dự án đã thực hiện

- Kế hoạch phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn các năm qua được Ủy ban nhân dân Tỉnh triển khai thực hiện ngay từ đầu năm, phối hợp và hỗ trợ tốt trong công tác ứng phó khắc phục kịp thời; thực hiện đào tạo nguồn nhân lực nâng cao nhận thức cộng đồng nên đã giảm thiểu các mặt thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Các ngành, các cấp đã có sự phối hợp, hỗ trợ tốt hơn trong công tác ứng phó và khắc phục kịp thời các hậu quả do thiên tai gây ra. Phương châm "Bốn tại chỗ" và yêu cầu "Ba sẵn sàng" đã được các địa phương chủ động triển khai thực hiện.

- Các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, tài liệu truyền thông về phòng tránh thiên tai được thông tin kịp thời trên phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết chủ động phòng tránh.

- Năng lực về quản lý rủi ro thiên tai của cán bộ các cấp và nhận thức của người dân từng bước được nâng lên.

- Công tác nuôi giữ trẻ, dạy bơi cho trẻ em được các ngành các cấp triển khai thực hiện hiệu quả, qua đó cũng góp phần giảm thiểu số trẻ em chết đuối, đồng thời tạo điều kiện cho gia đình an tâm làm ăn sinh sống.

- Các công trình phục vụ phòng chống và giảm nhẹ thiên tai hoàn thành trong thời gian qua đang phát huy tác dụng.

- Sau khi thiên tai xảy ra, cấp uỷ cùng chính quyền và đoàn thể các cấp kịp thời huy động lực lượng tại chỗ hỗ trợ các gia đình bị thiệt hại nhanh chóng khắc phục hậu quả và ổn định cuộc sống.

III. Thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

- Kế hoạch đáp ứng được sự quan tâm của các ngành, các cấp và yêu cầu của cộng đồng trong việc chủ động PNGNTT.

- Ủy ban nhân các cấp trích nguồn ngân sách địa phương cho một số hoạt động, đặc biệt công tác đào tạo nguồn lực và nâng cao nhận thức cộng đồng (kinh phí cho các cuộc diễn tập, tập huấn, lập kế hoạch áp/xã an toàn, cứu hộ cứu nạn ...)

- Các địa phương lồng ghép hoạt động vào các chương trình, đề án, dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia và PNGNTT để thực hiện.

- Một số công trình trọng điểm về PNGNTT được quan tâm đầu tư.

2. Khó khăn, tồn tại

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch còn hạn chế.

- Các trang thiết bị chưa được trang bị kịp thời cho Đề án.

- Cán bộ làm quản lý rủi ro thiên tai ở cấp cơ sở còn thiếu, thường xuyên thay đổi và năng lực còn hạn chế.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của Chính phủ để tỉnh thực hiện Đề án 1002 về Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vẫn chưa có.

IV. Đề xuất: Để thực tốt các mục tiêu của Đề án đề ra, tỉnh Đồng Tháp đề nghị Trung ương hỗ trợ nguồn kinh phí 18.590 triệu đồng để thực các hoạt động giai đoạn 2015-2020 theo kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trung tâm Phòng tránh và GNNT;
- UBND Tỉnh (b/c);
- Trưởng và các Phó Trưởng BCH;
- UVTT;
- Lưu VPTT, P.CLB./.

**TL, TRƯỞNG BAN
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC**



**PGĐ. SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT
Đặng Ngọc Lợi**



PHỤ LỤC 6
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-PC TT ngày 13/3/2015 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai & TKCN tỉnh Đồng Tháp)

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	- Kế hoạch 65/KH-UBND ngày 09/10/2009; - Quyết định số 106/QĐ-UBND.TL ngày 17/9/2012; - Kế hoạch 137/KH-UBND ngày 30/9/2010.		
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	Chưa ban hành		
Chỉ số 2A	Số lượng tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có		
Chỉ số 2B	Số lượng tỉnh đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có		
Chỉ số 3	Tỉ lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Chưa có		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ % Tỷ lệ %	Chưa có Chưa có		
	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh (4A)	Số lượng	05 người trong đội ngũ giảng viên cấp tỉnh		
Chỉ số 4 Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp huyện (4B)	Số lượng	Số lượng	Xã A: Xã B:	Chưa có báo cáo
			Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp xã (4C)	Số lượng	
Chỉ số 5A=	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm	Số lượng	Nam: 6		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
SA1/SA2*100%	công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (SA1)	Nữ: 1	100%	
	Tổng số cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai (5A2)	Số lượng	Nam: 6 Nữ: 1		
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	100%	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 5C	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	100%	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 6A=	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã	Số lượng tập huấn viên cấp	Nam: 19		Đội ngũ cán bộ giảng
		24			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung										
	(1)	(3)	(4)	(5)	(6)										
6A1/6A2*1 00%	được đào tạo về QLRRTT-DVCD	tính đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (6A1)	<table border="1" data-bbox="1045 1288 1332 1534"> <tr> <td>Nữ: 5</td> </tr> <tr> <td>Nam: 19</td> </tr> <tr> <td>Tổng số tập huấn viên cấp tỉnh (6A2)</td> </tr> <tr> <td>23</td> </tr> </table>	Nữ: 5	Nam: 19	Tổng số tập huấn viên cấp tỉnh (6A2)	23	<table border="1" data-bbox="1045 1534 1332 1859"> <tr> <td>Huyện A:</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td>Huyện B:</td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Huyện A:	Xã A:	Huyện B:	Xã B:	viên cấp tỉnh sau khi được đào tạo hiện vẫn tiếp tục làm công tác chuyên môn, khi cần tỉnh có thể huy động được.
Nữ: 5															
Nam: 19															
Tổng số tập huấn viên cấp tỉnh (6A2)															
23															
Huyện A:	Xã A:														
Huyện B:	Xã B:														
.....														
Chỉ số 6B	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	80%	<table border="1" data-bbox="837 1534 1045 1859"> <tr> <td>Huyện A</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Huyện A	Xã A:		Xã B:					
Huyện A	Xã A:														
	Xã B:														
.....														
Chỉ số 6C	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	90%	<table border="1" data-bbox="367 1534 837 1859"> <tr> <td>Huyện B</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Huyện B	Xã A:		Xã B:					
Huyện B	Xã A:														
	Xã B:														
.....														
Chỉ số 6D= 6D1/6D2*1 00%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng	<table border="1" data-bbox="199 1064 367 1288"> <tr> <td>Name:</td> </tr> <tr> <td>NO:</td> </tr> </table>	Name:	NO:	Chưa thành lập									
Name:															
NO:															

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh (6D2)	Số lượng	Nam: Nữ:	Chưa thành lập	
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	0%	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	0%	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	0%	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)														
				<table border="1"> <tr> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td>.....</td> </tr> </table>	Xã B:													
Xã B:																			
.....																			
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*1 00%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng	144	<input checked="" type="checkbox"/> 100%															
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (7A2)	Số lượng	144																
Chỉ số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %	70%	<table border="1"> <tr> <td>Huyện A</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>Huyện B</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Huyện A	Xã A:		Xã B:		Huyện B	Xã A:		Xã B:		
Huyện A	Xã A:																		
	Xã B:																		
																		
Huyện B	Xã A:																		
	Xã B:																		
																		
.....																		
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*1 00%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm	Số lượng	12	<input checked="" type="checkbox"/>	Hàng năm mỗi huyện chọn 1 xã điểm để triển khai diễn tập cấp xã về														

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (9A2)	Số lượng	144		công tác PCTT.
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có/ Chưa có	Đã có		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ chỉ số theo dõi đánh giá - Khung theo dõi đánh giá việc thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 - Tài liệu kỹ thuật về QLRRTT đưa vào cộng đồng - Sổ tay đào tạo đội ngũ giảng viên cấp tỉnh.
Chỉ số 10B= 10B1/10B2 *100%	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng	12	100%	
Chỉ số 10C= 10C1/10C2	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban	Số lượng	12		
	Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và	Số lượng	144		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
	(1)	(3)	(4)	(5)	(6)
*100%	hành để tập huấn	PTN/TCTL ban hành để tập huấn (10C1)		100%	
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10C2)	Số lượng	144	
Chỉ số 11A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Đã có/ Chưa có	Đã có	
Chỉ số 11B= 11B1/11B2 *100%	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11B1)	Số lượng	12	100%
		Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11B2)	Số lượng	12	
Chỉ số 11C= 11C1/11C2 *100%	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11C1)	Số lượng	0	0%
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11C2)	Số lượng	144	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 12A= 12A1/12A2 *100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng	144	100%	
Chỉ số 13A= 13A1/13A2 *100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	Số lượng	144	100%	
Chỉ số 14A= 14A1/14A2 *100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng	142		
Chỉ số 14B= 14B1/14	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng		Chưa thực hiện	
	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng (12A1)	Số lượng			
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (12A2)	Số lượng			
	Số lượng xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương (13A1)	Số lượng			
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (13A2)	Số lượng			
	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14A1)	Số lượng			
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14A2)	Số lượng			
	Số lượng xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14B1)	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
B2=100%	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14B2)	Số lượng				
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê chi tiết	Máy tính Máy chiếu Bảng, viết, tranh lật, CD		
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết	Chưa được trang bị		
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết	Huyện A:	Chưa được trang bị	
				Xã A:		
				Xã B:		
			Huyện B	Xã A:		
				Xã B:		
					
					
Chỉ số	Số lượng tính có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên	Tính có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng	Đã có/ Chưa có	Đã có		Văn phòng Ban chỉ huy

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16A1	tại được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ				phòng chống thiên tai
Chỉ số 17A = 17A1/17A2 *100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng	144	100%	Đã có 02/144 xã được trang bị hệ thống cảnh báo sét đánh.
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %	70%	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 19A = 19A1/19A2 *100%	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (19A2)	Số lượng			
Chỉ số 20A Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %		Huyện A Xã A: Xã B: Huyện B Xã B:	
Chỉ số 22A Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22A1) Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22A2)	Số lượng	Nam: Nữ: Nam: Nữ:	Chưa được đào tạo	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo,	Số lượng	Nam:	Chưa được đào tạo	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tập huấn về QLRRTT		Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22B2)	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
	Số lượng giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:	Chưa được đào tạo	
			Nữ:		
	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1)	Số lượng	Nam:	Chưa được đào tạo	
			Nữ:		
Chỉ số 22D= 22D1/22D2 *100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22E=	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh	Số lượng	Nam:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22E1/22E2 +100% QLRRTT	xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1)	Số lượng	Nữ: Nam: Nữ:		
Chi số 22F= 22F1/22F2 *100% QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	Số lượng	Nam: Nữ:	Chưa được đào tạo	
	Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chi số 22G= 22G1/22G 2*100% QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	Số lượng	Nam: Nữ:	Chưa được đào tạo	
	Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng	Nam: Nữ:		

Chỉ số	Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	1		
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng	1		
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng	1		
Chỉ số 24A= 24A1/24A2 *100%	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa. (24A1)	Số lượng		Chưa có	
Chỉ số 24B= 24B1/24B2	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại	Tổng số các trường mầm non trên địa bàn tỉnh. (24A2)	Số lượng		Chưa có	
		Số lượng các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại	Số lượng		Chưa có	

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
*100%	Khóa	khóa (24B1)				
	Tổng số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh (24B2)	Số lượng				
Chi số 24C= 24C1/24C2 *100%	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24C1)	Số lượng		Chưa có	
	Tổng số các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh (24C2)	Số lượng				
Chi số 24D= 24D1/24D2 *100%	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24D1)	Số lượng		Chưa có	
	Tổng số các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (24D2)	Số lượng				
Chi số 24E= 24E1/24E2 *100%	Tỷ lệ các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng		Chưa có	

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chi số 24F= 24F1/24F2 *100%	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			
Chi số 24G= 24G1/24G2 *100%	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng		Chưa có	
Chi số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng		Chưa có	
	Tổng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (24E1)				
	Tổng các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (24E2)	Số lượng			
	Số lượng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24F1)	Số lượng		Chưa có	
	Tổng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (24F2)	Số lượng			
	Số lượng các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24G1)	Số lượng		Chưa có	
	Tổng các trường đại học trên địa bàn tỉnh (24G2)	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng		Chưa có		
Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng		Chưa có		
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng		Chưa có		
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về năng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng (Liệt kê danh sách các dự án)	Dự án phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai do Tổ chức Oxfam Anh tài trợ			
Chỉ số 27C-27C1/27C2 *100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng	Khoảng 3.000 triệu đồng.		Chủ yếu là kinh phí để tập huấn hàng năm	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Số lượng đã triển khai thực hiện	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 27D = $\frac{27D1}{27D2} * 100\%$	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C2)	Số lượng	100%		
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D1)	Số lượng		Không có	
		Số lượng			
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện A:	Không có
		Tỷ lệ %		Huyện B:	
		Tỷ lệ %		
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %		Huyện A:	Không có
		Tỷ lệ %		Huyện B:	
		Tỷ lệ %		
		Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B:	